TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HSST
Ngày 24/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sáu
Bà Bùi Thị Hoanh
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Thu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, Sinh năm 1981; Quê quán xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện tại: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn X (Chết) và bà Phan Thị B; Bị cáo có vợ bà Trần Thị Minh H, Sinh năm 1984 và có hai con, Con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án; tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 09/12/2025, chuyển tạm giam ngày 12/12/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đ, thuộc Trại tạm giam số 02, Công an thành phố Đ, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV D; Địa chỉ thôn Đ, xã T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Ngọc S, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đoàn Văn T; chức vụ: Phó Giám đốc; Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng *(Giấy uỷ quyền số 09.05/2025-XMQN ngày 09/5/2025)*.(Vắng mặt có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Ngọc L; sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

+ Bà Phan Thị B, sinh năm 1939; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị B là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH MTV D, địa chỉ thôn Đ, xã T, thành phố Đà Nẵng, kinh doanh trên lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng do ông Mai Ngọc S làm Giám đốc có ký hợp đồng lao động với bị cáo V làm nhân viên kinh doanh của Công ty. Bị cáo V có nhiệm vụ tìm hiểu thị trường, phát triển đại lý bán hàng các tuyến quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam *(cũ)*; tiếp nhận đơn hàng từ đại lý, đối chiếu công nợ và thu hồi công nợ nộp về bộ phận kế toán của Công ty. Từ tháng 10/2020, bị cáo V đã được Công ty giao nhiệm vụ thu tiền mua hàng của Đại lý N, địa chỉ số I H, thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Từ ngày 27/10/2020 đến ngày 30/6/2021, đại lý N đã nhiều lần đặt mua hàng hoá của Công ty TNHH MTV D với tổng giá trị tiền hàng là 33.990.000 đồng. Đại lý Ngọc L đã thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH MTV D với số tiền mặt 3.990.000 đồng thông qua lái xe của Công ty. Đến ngày 30/6/2021, Công ty tiến hành đối chiếu công nợ với Đại lý Ngọc L và xác định Đại lý Ngọc L còn nợ số tiền là 30.000.000 đồng và đề nghị thanh toán. Ngày 05/7/2021, bị cáo V nhận số tiền 30.000.000 đồng của Đại lý N thanh toán tiền hàng nhưng không nộp về Công ty theo quy định mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Công ty TNHH MTV D kiểm tra sổ sách thấy đại lý Ngọc L chưa trả số tiền 30.000.000 đồng nên liên hệ mới biết đã trả tiền cho bị cáo V. Ngày 01/8/2025 Công ty chấm đứt hợp đồng lao động với bị cáo V. Đến ngày 23/10/2021, bị cáo V viết giấy xác nhận với Công ty sẽ khắc phục số tiền 30.000.000 đồng nhưng sau đó không thực hiện rồi bỏ trốn, đến ngày 09/12/2025 bị bắt theo lệnh truy nã.

Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo V đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH MTV D số tiền 60.000.000 đồng *(trong đó 30.000.000 đồng là tiền tham ô và 30.000.000 đồng là tiền mượn nợ của Công ty).* Công ty không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSKV11 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), đề nghị xử phạt bị cáo

Bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Gia đình bị cáo V đã bồi thường số tiền 60.000.000 đồng, cho Công ty TNHH MTV D *(trong đó 30.000.000 đồng là tiền tham ô và 30.000.000 đồng là tiền mượn nợ của Công ty),* đại diện theo ủy quyền có ông Đoàn Văn T có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo V khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận điều tra và quyết định truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tại phiên tòa bị cáo V không có tranh luận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Tại phiên tòa, Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét về hành vi phạm tội bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo V khai nhân hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận bị cáo V là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH MTV D, được giao nhiệm vụ thu tiền công nợ của khách hàng và giao lại cho Công ty. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, bị cáo V đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng tiền hàng của Đại lý N tại thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng nhưng không nộp về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Sau khi sự việc được phát hiện, bị cáo V thừa nhận hành vi chiếm đoạt của mình, cam kết sẽ hoàn trả lại tiền cho Công ty nhưng không thực hiện và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 22/01/2025 đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV D làm đơn tố giác hành vi của bị cáo V đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ). Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

[3.1] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, đồng thời làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động bình thường của tổ chức nơi bị cáo V làm việc. Bị cáo V lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, cần xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

[3.2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo V mới phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo V đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động với gia đình khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, Gia đình bị cáo V có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, Đại diện theo ủy quyền Nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2025) xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty TNHH MTV D, đại diện có ông Đoàn Văn T có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

[5] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 09/12/2025 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[6] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định "Người phạm tội còn cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" HĐXX xét thấy, bị cáo V có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: không có

[9] Đối với đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh buổi lấy lời khai Nguyễn Văn V ngày 09/12/2025 hiện đang lưu giữ theo hồ sơ, nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 50, khoản 3 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Tham ô tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt truy nã ngày 09/12/2025.

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Phòng HSNV CA.TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Thi hành án.

Nguyễn Nam Trung